

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HỒNG BÀNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MỤC LỤC

	<i>TRANG</i>
BÁO CÁO TỔNG GIÁM ĐỐC	01-02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03-04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Mẫu số B01-CTCK)	05-08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Mẫu số B02-CTCK)	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Mẫu số B03-CTCK)	10
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU (Mẫu số B05-CTCK)	11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Mẫu số B09-CTCK)	12-24



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Hồng Bàng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Đình Hưng	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 30/11/2014)
Ông Vũ Xuân Công	Ủy viên (Bổ nhiệm từ ngày 30/11/2014)
Ông Lê Thế Việt	Ủy viên (Bổ nhiệm từ ngày 30/11/2014)
Ông Hoàng Việt Duy	Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 30/11/2014)
Ông Diệp Đậu Hùng	Ủy viên (Miễn nhiệm từ ngày 30/11/2014)
Ông Trần Xuân Vũ	Ủy viên (Miễn nhiệm từ ngày 30/11/2014)

Ban kiểm soát

Bà Phan Thị Hoàng Bắc	Trưởng ban (Bổ nhiệm từ ngày 30/11/2014)
Bà Vũ Thủy Giang	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 30/11/2014)
Ông Mai Văn Nam	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 30/11/2014)
Bà Huỳnh Như Hạnh Nguyễn	Trưởng ban (Miễn nhiệm từ ngày 30/11/2014)
Bà Trần Ái Huệ	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 30/11/2014)
Ông Nguyễn Thanh Hoàng	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 30/11/2014)

Ban Tổng giám đốc

Ông Đinh Thế Lợi	Tổng giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 03/12/2014)
Bà Vũ Hồng Hạnh	Phó tổng giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 05/12/2014)
Ông Hoàng Đình Trung	Phó tổng giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 19/12/2014)
Bà Lê Thị Anh Đào	Tổng giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 27/11/2014)
Ông Quách Văn Long	Quyền Phó tổng giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 09/01/2015)

12/05/2015

12/05/2015

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ, và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu của Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.



Đinh Thế Lợi
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 03 năm 2015

03/03/2015 14:00

Số: 261/BCKT2014-DFK

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HỒNG BÀNG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hồng Bàng, được lập ngày 23 tháng 03 năm 2015, từ trang 05 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

12/10/2015 09:11 AM
IG
EM
TC
FK
N

Vấn đề cần nhấn mạnh:

Công ty đang trong giai đoạn bị kiểm soát đặc biệt (từ ngày 06/05/2013 đến ngày 06/09/2013) theo quyết định số 248/QĐ – UBCK của Ủy ban chứng khoán nhà nước, do không đáp ứng được các quy định tại thông tư 226/2010/TT-BTC và thông tư 165/2012/TT-BTC của Bộ tài chính về “Quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính”. Khi hết thời hạn kiểm soát đặc biệt mà Công ty vẫn không khắc phục được và lỗ lũy kế đạt mức 50% vốn điều lệ trở lên thì sẽ bị đình chỉ hoạt động.

Đại Hội cổ đông bất thường đã thông qua nghị quyết số 03-2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/06/2013 về việc tăng vốn điều lệ. Công ty đã hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết để tăng vốn điều lệ theo nghị quyết 03-2013/NQ-ĐHĐCĐ và được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép điều chỉnh ngày 05/09/2013 vốn điều lệ tăng từ 35 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng. Công ty đã khắc phục được tình trạng kiểm soát đặc biệt. Tuy nhiên cho đến thời điểm này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vẫn chưa có xác nhận chính thức thông qua văn bản cho Công ty về việc khắc phục tình trạng bị kiểm soát đặc biệt.



NGUYỄN LƯƠNG NHÂN

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0182-2013-042-1

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam

Tp. HCM, ngày 23 tháng 03 năm 2015

ĐẶNG THỊ THÚY TRANG

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2063-2013-042-1

TRANG 4/24

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		29.349.833.557	24.301.723.234
(100=110+120+130+140+150)				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	24.903.550.422	15.079.343.868
1. Tiền	111		12.903.550.422	2.779.343.868
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.000.000.000	12.300.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	5.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	5.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5	2.519.823.316	3.323.474.476
1. Phải thu khách hàng	131		400.000.000	2.830.000.000
2. Trả trước cho người bán	132		-	474.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		145.556.649	16.000.336
5. Các khoản phải thu khác	138		1.974.266.667	3.474.140
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	6	1.926.459.819	898.904.890
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		226.556.780	827.956.773
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		17.687.150	17.918.117
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.682.215.889	53.030.000

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 24 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HỒNG BÀNG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

B01-CTCK

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị : VND	
			31/12/2014	31/12/2013
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.170.771.863	5.523.406.002
(200 = 210+220+240+250+260)				
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220	7	4.649.415.914	5.037.120.758
1. Tài sản cố định hữu hình	221		1.768.741.392	2.132.215.413
- Nguyên giá	222		3.377.412.647	3.377.412.647
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.608.671.255)	(1.245.197.234)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		2.880.674.522	2.904.905.345
- Nguyên giá	228		5.551.457.400	4.952.957.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.670.782.878)	(2.048.052.055)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		521.355.949	486.285.244
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		6.065.969	6.065.969
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	262	8	235.009.980	199.939.275
4. Tài sản dài hạn khác	268		280.280.000	280.280.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		34.520.605.420	29.825.129.236

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 24 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này .

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HỒNG BÀNG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

B01-CTCK

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị : VND	
			31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		9.414.517.958	2.400.579.935
I. Nợ ngắn hạn	310	9	9.414.517.958	2.400.579.935
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		-	-
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		33.948.162	5.955.673
5. Phải trả người lao động	315		-	17.051.218
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		871.095.000	306.100.000
9. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		5.183.135	4.238.650
10. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	-
11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328		8.504.291.661	2.067.234.394
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400	10	25.106.087.462	27.424.549.301
I. Vốn chủ sở hữu	410		25.106.087.462	27.424.549.301
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(24.893.912.538)	(22.575.450.699)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		34.520.605.420	29.825.129.236

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 24 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này :

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Đơn vị : VND	
	31/12/2014	31/12/2013
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
5. Ngoại tệ các loại	-	-
6. Chứng khoán lưu ký	220.900.550.000	101.173.555.000
6.1 Chứng khoán giao dịch	217.492.650.000	100.398.480.000
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	-	510.000.000
6.3 Chứng khoán cầm cố	-	-
6.4 Chứng khoán tạm giữ	-	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	449.400.000	235.000.000
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	-	-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	2.958.500.000	30.075.000
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	-	-
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	-	-
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	-	-
<i>Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</i>	-	-
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	-	-
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	-	-
10. Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá	-	-

Hoàng
Nguyễn Huy Hoàng

Người lập biểu

Quy
Nguyễn Thị Quy

Kế toán trưởng



Đinh Thế Lợi
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 03 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 24 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

10/1/2015 02:45:10

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HỒNG BÀNG

B02-CTCK

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu	01	11	3.521.719.885	2.644.578.794
Trong đó				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		933.303.302	179.669.578
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		-	-
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		400.000.000	10.000.000
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		-	-
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu tư	01.7		-	-
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
- Doanh thu khác	01.9		2.188.416.583	2.454.909.216
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		3.521.719.885	2.644.578.794
4. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	11	12	3.262.960.018	2.732.867.034
5. (Lỗ)/Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		258.759.867	(88.288.240)
6. Chi phí quản lý	25	13	2.627.253.912	3.213.061.316
7. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30		(2.368.494.045)	(3.301.349.556)
8. Thu nhập khác	31		50.032.206	136.790.997
9. Chi phí khác	32		-	618.486.819
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		50.032.206	(481.695.822)
11. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(2.318.461.839)	(3.783.045.378)
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	14	-	-
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
14. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(2.318.461.839)	(3.783.045.378)



 Nguyễn Huy Hoàng

Người lập biểu


 Nguyễn Thị Quy

Kế toán trưởng




 Đinh Thế Lợi
 Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 03 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 24 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

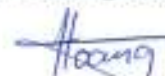
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HỒNG BÀNG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

B03-CTCK

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	01		(2.318.461.839)	(3.783.045.378)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định	02		986.204.844	1.217.663.882
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(939.559.929)	(133.213.307)
Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(2.271.816.924)	(2.698.594.803)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(1.299.303.762)	(2.516.135.775)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		-	-
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		6.978.867.318	(849.174.416)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		601.399.993	(285.302.146)
Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	1.046.346.300
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	(98.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.009.146.625	(5.400.860.840)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(124.500.000)	(446.270.000)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	116.790.910
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(5.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ đơn vị khác	24		5.000.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		939.559.929	634.909.216
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5.815.059.929	(4.694.569.874)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH			-	15.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	15.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		9.824.206.554	4.904.569.286
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		15.079.343.868	10.174.774.582
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		24.909.550.422	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		24.909.550.422	15.079.343.868


 Nguyễn Huy Hoàng

Người lập biểu


 Nguyễn Thị Quy

Kế toán trưởng



Đinh Thế Lợi
 Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 03 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 24 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HỒNG BÀNG
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

B05-CTCK

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chỉ tiêu	TM	Số dư đầu		Số tăng/giảm				Số dư cuối	
		01/01/2013	01/01/2014	Năm 2013		Năm 2014		31/12/2013	31/12/2014
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		35.000.000.000	50.000.000.000	15.000.000.000	-	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-	-	-	-	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ		-	-	-	-	-	-	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	-	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		-	-	-	-	-	-	-	-
9. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối		(18.792.405.321)	(22.575.450.699)	-	(3.783.045.378)	-	(2.318.461.839)	(22.575.450.699)	(24.893.912.538)
Cộng		16.207.594.679	27.424.549.301	15.000.000.000	(3.783.045.378)		(2.318.461.839)	27.424.549.301	25.106.087.462


 Nguyễn Huy Hoàng
 Người lập biểu


 Nguyễn Thị Quy
 Kế toán trưởng



Đinh Thế Lợi
 Tổng Giám đốc
 Ngày 23 tháng 03 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

*Các thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính được đính kèm.***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hồng Bàng được thành lập theo Giấy phép số 105/UBCK-GP ngày 25/03/2009 do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp, và giấy phép điều chỉnh số 53/GPĐC-UBCK ngày 23/09/2011. Trong quá trình hoạt động Công ty đã nhận được các quyết định bổ sung sau:

- Giấy chứng nhận số 69/UBCK-GCN ngày 25/03/2009 của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước về việc chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán.
- Giấy chứng nhận số 123/GCNTVLK ngày 09/10/2009 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chấp thuận đăng ký làm Thành viên lưu ký.
- Quyết định số 104/QĐ-SGDHCM ngày 29/12/2009 của Sở giao dịch Chứng khoán Tp.HCM về việc công nhận tư cách thành viên giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán Tp.HCM.
- Quyết định số 04/QĐ-SGDHN ngày 05/01/2010 của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc công nhận là thành viên giao dịch của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- Quyết định số 40/GPĐC-UBCK ngày 05/09/2013 về việc điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động số 105/UBCK-GP ngày 25/03/2009.

Vốn điều lệ : 50.000.000.000 VND

Vốn pháp định : 35.000.000.000 VND

Trụ sở chính : Lầu 1, số 50-52 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là kinh doanh chứng khoán.

Hoạt động chính của công ty là môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Việc soạn lập báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đòi hỏi Tổng Giám đốc phải đưa ra các ước tính và giả thiết có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập các báo cáo tài chính cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính đang báo cáo. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái thực tế tại ngày phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty phát sinh giao dịch. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỉ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do giao dịch trong hoạt động kinh doanh và lãi lỗ thuần chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được ghi nhận là thu nhập tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính

2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

2.5 Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

2.6 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Vật kiến trúc	05
Thiết bị văn phòng	03 - 05

2.7 Tài sản cố định vô hình và khấu hao**Phần mềm quản lý**

Phần mềm quản lý được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 05 năm.

2.8 Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

2.9 Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới một (1) năm (hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên một (1) năm (hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ dài hạn.

2.10 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp

• Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 18% và trừ lương cán bộ công nhân viên 8%.

• Bảo hiểm y tế được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 3% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1,5%.

• Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 1% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1%.

Theo luật Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế, mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng tỷ lệ như đã nêu trên của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

2.11 Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

2.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi cổ tức đã nhận hoặc được quyền nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận

2.13 Chi phí thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

3. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VND)
Của nhà đầu tư		
<i>Cổ phiếu</i>	28.913.214	671.469.873.600
<i>Chứng khoán khác</i>	-	-
Cộng	28.913.214	671.469.873.600

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền gửi ngân hàng	12.903.550.422 (a)	2.779.343.868
Các khoản tương đương tiền	12.000.000.000 (b)	12.300.000.000
Cộng	24.903.550.422	15.079.343.868

(a) Trong đó :

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền gửi của Công ty	6.144.160.305	366.577.949
Tiền gửi của nhà đầu tư	6.759.390.117	2.412.765.919
Cộng	12.903.550.422	2.779.343.868

(b) Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng sau :

	Cuối năm	Đầu năm
Ngân hàng TMCP Phương Đông	12.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn	-	12.300.000.000
Cộng	12.000.000.000	12.300.000.000

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	400.000.000 (a)	2.830.000.000
Trả trước cho người bán	-	474.000.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	145.556.649	16.000.336
Các khoản phải thu khác	1.974.266.667 (b)	3.474.140
Cộng	2.519.823.316	3.323.474.476

(a) Phải thu khách hàng là các khoản phải thu về cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(b) Bao gồm các khoản phải thu sau :

	Cuối năm	Đầu năm
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	24.266.667	-
Phải thu các khoản đúng trung gian cho vay tiền	1.950.000.000	-
Khác	-	3.474.140
Cộng	1.974.266.667	3.474.140

6. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn	226.556.780	827.956.773
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	17.687.150	17.918.117
<i>Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa</i>	-	9.497.117
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa</i>	17.687.150	-
<i>Các loại thuế khác</i>	-	8.421.000
Tạm ứng của nhân viên Công ty	1.682.215.889 (*)	53.030.000
Cộng	1.926.459.819	898.904.890

(*) Trong đó khoản tạm ứng với số tiền 1.546.000.000 đồng của bà Vũ Hồng Hạnh về việc mua trụ sở mới theo Nghị quyết hội đồng quản trị số 11.1-2014/NQ-HĐQT ngày 18/12/2014. Tuy nhiên, việc mua trụ sở không được thực hiện nên khoản tạm ứng này đã được hoàn lại vào ngày 29/01/2015.

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

TSCĐ hữu hình	Máy móc và thiết bị	Thiết bị quản lý	Cộng
	VND	VND	
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	3.144.675.176	232.737.471	3.377.412.647
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	3.144.675.176	232.737.471	3.377.412.647
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.131.075.813	114.121.422	1.245.197.234
Tăng trong năm	334.388.073	29.085.948	363.474.021
<i>Khấu hao</i>	334.388.073	29.085.948	363.474.021
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	1.465.463.886	143.207.370	1.608.671.255
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	2.013.599.364	118.616.050	2.132.215.413
Số dư cuối năm	1.679.211.291	89.530.102	1.768.741.392

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

TSCĐ vô hình	Phần mềm quản lý	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	4.917.935.400	35.022.000	4.952.957.400
Tăng trong năm	598.500.000	-	598.500.000
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	5.516.435.400	35.022.000	5.551.457.400
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.033.824.364	14.227.691	2.048.052.055
Tăng trong năm	618.353.067	4.377.756	622.730.823
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	2.652.177.431	18.605.447	2.670.782.878
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	2.884.111.036	20.794.309	2.904.905.345
Số dư cuối năm	2.864.257.969	16.416.553	2.880.674.522

8. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nợ quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

Theo Quyết định số 60/2004/QĐ-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2004, Quyết định số 72/2005/QĐ-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2005 của Bộ Tài chính

	Năm 2014	Năm 2013
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung hàng năm	60.831.667	60.831.667
Tiền lãi phân bổ hàng năm	54.178.313	19.107.608
Cộng	235.009.980	199.939.275

9. NỢ NGẮN HẠN

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	33.948.162	5.955.673
<i>Thuế giá trị gia tăng</i>	<i>272.727</i>	-
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	<i>33.675.435</i>	<i>5.955.673</i>
Phải trả người lao động	-	17.051.218
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	871.095.000	306.100.000
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	5.183.135	4.238.650
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	8.504.291.661 (*)	2.067.234.394
Cộng	9.414.517.958	2.400.579.935

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(*) Bao gồm

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền ký quỹ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	6.543.847.911	2.031.024.371
Bảo hiểm, kinh phí công đoàn phải nộp, khác	10.443.750	36.210.023
Phải trả các khoản đứng trung gian cho vay tiền	1.950.000.000	-
Cộng	8.504.291.661	2.067.234.394

10. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	35.000.000.000	(18.792.405.321)	16.207.594.679
Tăng vốn	15.000.000.000	-	15.000.000.000
Lợi nhuận/(lỗ) trong năm	-	(3.783.045.378)	(4.024.293.796)
Số dư cuối năm trước	50.000.000.000	(22.575.450.699)	27.424.549.301
Lợi nhuận/(lỗ) trong năm	-	(2.318.461.839)	(2.318.461.839)
Số dư cuối năm	50.000.000.000	(24.893.912.538)	25.106.087.462

Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000

11. DOANH THU

	Năm 2014	Năm 2013
Doanh thu môi giới chứng khoán niêm yết	933.303.302	179.669.578
Doanh thu khác	2.588.416.583	2.464.909.216
<i>Doanh thu ứng trước tiền bán chứng khoán</i>	<i>13.785.949</i>	<i>5.396.546</i>
<i>Doanh thu tư vấn và môi giới chuyển nhượng CP</i>	<i>1.600.000.000</i>	<i>2.040.000.000</i>
<i>Doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng</i>	<i>939.559.929</i>	<i>414.012.670</i>
<i>Khác</i>	<i>35.070.705</i>	<i>5.500.000</i>
Cộng	3.521.719.885	2.644.578.794

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

12. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2014	Năm 2013
Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	458.363.355	750.047.817
Chi phí nhân viên	749.595.819	808.728.171
Chi phí dụng cụ, đồ dùng, chi phí phân bổ	1.078.491.281	142.894.522
Chi phí khấu hao tài sản cố định	969.014.844	1.028.560.458
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.494.719	2.636.066
Cộng	3.262.960.018	2.732.867.034

13. CHI PHÍ QUẢN LÝ

	Năm 2014	Năm 2013
Chi phí nhân viên quản lý	1.248.944.132	1.343.270.796
Chi phí đồ dùng văn phòng	214.154.479	20.460.184
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.190.000	189.103.424
Thuế, phí và lệ phí	22.825.281	53.614.912
Chi phí dịch vụ mua ngoài	992.597.743	1.549.492.293
Chi phí bằng tiền khác	131.542.277	57.119.707
Cộng	2.627.253.912	3.213.061.316

14. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2014	Năm 2013
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
- Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	(2.318.461.839)	(3.783.045.378)
- Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Thu nhập chịu thuế		
Chuyển lỗ các năm trước		
Thuế suất	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp		
Cộng Thuế thu nhập doanh nghiệp		

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập với thuế suất 22% trên lợi nhuận tính thuế (năm 2013: 25%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

15. NGHIỆP VỤ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Cổ đông và các thành viên chủ chốt điều hành được xem là các bên có liên quan với Công ty

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau :

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Giá trị (VND)</u>
Bà Vũ Hồng Hạnh	Phó Tổng giám đốc	Tạm ứng theo quyết định hội đồng quản trị về việc tìm trụ sở mới	1.546.000.000

Tại ngày 31/12/2014, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau :

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Giá trị (VND)</u>
Bà Vũ Hồng Hạnh	Phó Tổng giám đốc	Phải thu tạm ứng	1.546.000.000

16. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay ngắn hạn, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám Đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám Đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Công ty chịu ảnh hưởng của rủi ro liên quan đến giá thị trường là rủi ro lãi suất. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường đo thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, bao gồm thị trường tiền tệ và kinh tế trong nước và quốc tế. Trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, và các công cụ tài chính khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được và tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Đối với các khách hàng lớn, công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán của Công ty và các công ty con theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với ngân hàng là thấp.

Các công cụ tài chính khác

Ban Tổng Giám Đốc đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu sau đây được coi là quá hạn và đã lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám Đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa chiết khấu:

	Đơn vị tính: VND			
	Bất kỳ thời điểm nào	Dưới 1 năm	Từ 1 – 5 năm	Tổng cộng
Ngày 31/12/2014				
Các khoản vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả nhà cung cấp	-	-	-	-
Chi phí phải trả chi phí trích trước khác	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác và phải trả hoạt động chứng khoán	-	9.365.477.511	-	9.365.477.511
	-	9.365.477.511	-	9.365.477.511
Ngày 31/12/2013				
Các khoản vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả nhà cung cấp	-	-	-	-
Chi phí phải trả và chi phí trích trước khác	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác và phải trả hoạt động chứng khoán	-	2.361.350.236	-	2.361.350.236
	-	2.361.350.236	-	2.361.350.236

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tiếp tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 01/01/2014 và ngày 31/12/2014.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản vay và nợ ngắn hạn, các khoản phải trả người bán, và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn;
- Các khoản vay ngân hàng được ghi nhận theo phương pháp chiết khấu sử dụng tỷ lệ lãi suất thực tế. Việc xác định giá trị chiết khấu có tính đến các chiết khấu hoặc phụ trội cũng như các khoản phí hoặc chi phí khác là một phần không thể tách rời của lãi suất thực tế.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong các báo cáo tài chính kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2014		31/12/2013		31/12/2014	31/12/2013
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền gửi ngân hàng	12.000.000.000	-	17.300.000.000	-	12.000.000.000	17.300.000.000
Phải thu khách hàng	400.000.000	-	2.830.000.000	-	400.000.000	2.830.000.000
Phải thu khác và phải thu hoạt động chứng khoán	2.119.823.316	-	19.474.476	-	2.119.823.316	19.474.476
Tiền	12.903.550.422	-	2.779.343.868	-	12.903.550.422	2.779.343.868
Tổng cộng	27.423.373.738	-	22.928.818.344	-	27.423.373.738	22.928.818.344
Nợ phải trả tài chính						
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Vay và nợ dài hạn	-	-	-	-	-	-
Phải trả nhà cung cấp	-	-	-	-	-	-
Chi phí phải trả và chi phí trích trước khác	-	-	-	-	-	-
Phải trả khác và phải trả hoạt động chứng khoán	9.365.477.511	-	2.361.350.236	-	9.365.477.511	2.361.350.236
Tổng cộng	9.365.477.511	-	2.361.350.236	-	9.365.477.511	2.361.350.236

17. Thay đổi chủ sở hữu

Trong năm 2014, các cổ đông cũ đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần cho các cổ đông mới, việc thay đổi chủ sở hữu đã hoàn tất trong năm 2014 và Công ty đang thực hiện thay đổi giấy phép kinh doanh.

18. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động của Công ty sau ngày kết thúc năm tài chính.


Nguyễn Huy Hoàng

Người lập biểu


Nguyễn Thị Quy

Kế toán trưởng



Đinh Thế Lợi

Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 03 năm 2015

